

trọng điểm vùng trũng như Nhân Mỹ, Nhân Hưng, Nhân Bình, chú trọng đổi mới cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng, tăng nhanh hiệu quả sử dụng đất, mở rộng diện tích, thâm canh, tăng vụ, chỉ đạo chặt chẽ khâu thâm canh, kích thích phát triển mạnh vụ đông trên đất 2 vụ lúa, chủ yếu là màu lương thực. Đồng thời, phát huy và nhân rộng kinh nghiệm hay của các xã điển hình về năng suất cao trong toàn huyện. Cho nên ngay trong năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, mặc dù còn gặp thiên tai gay gắt trong vụ chiêm xuân năm 1986 - 1987 nhưng tổng sản lượng lương thực tăng rất nhanh từ 35.925 tấn năm 1985 lên 47.533 tấn vào năm 1987, vượt 7.533 tấn so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra và đạt 118% kế hoạch. Bình quân lương thực đầu người đạt 258 kg/người/năm. Tổng đàn lợn có 40.000 con, xuất chuồng 1.800 tấn thịt lợn hơi năm 1987.

Thành tựu trên góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi chương trình lương thực - thực phẩm của huyện và cái được lớn nhất là lần đầu tiên huyện Lý Nhân đã tự túc được lương thực.

Đạt được mục tiêu trên, Lý Nhân đã coi trọng cả lúa và màu, nhất là màu lương thực. Đồng thời coi trọng phát triển cây công nghiệp và xuất khẩu, lấy cây mía, cây đay làm mũi nhọn. Vì mía, đay phát triển sẽ tạo nguồn hàng xuất khẩu, đổi lấy phân hoá học về phục

vụ thâm canh cây lương thực. Năm 1987, lúa cây vào nhà máy 39.000 tấn, vượt chỉ tiêu 19.000 tấn, đây bị bán cho Nhà nước đạt 2.200 tấn, cùng với các hàng xuất khẩu khác, đã đổi được 1.800 - 2.000 tấn phân vô cơ. Cùng với việc coi trọng công tác thủy lợi, tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, việc cải tạo đồng ruộng được coi trọng, tạo điều kiện để có cơ cấu giống thích hợp đối với từng chân ruộng trong từng mùa vụ. Ngoài 2 vụ chiêm, mùa, Huyện uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất vụ đông theo hướng thật sự coi vụ đông là vụ sản xuất chính trong nông nghiệp. Vì vậy, vụ đông năm 1986 - 1987 giành thắng lợi chưa từng có so với các vụ trước đó. Với diện tích 2.866 ha bằng 106% kế hoạch đã đưa về cho Lý Nhân 7.062 tấn lương thực quy thóc, bằng 201% so với vụ đông năm 1985 - 1986.

Sản xuất nông nghiệp phát triển, tự túc được lương thực nên có điều kiện để phát triển chăn nuôi và mở rộng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, góp phần tháo gỡ khó khăn về hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, bảo đảm ổn định chính trị, ổn định đời sống nhân dân.

Thực hiện chương trình dân số và lao động, ngay trong năm 1986, Huyện uỷ đã có kế hoạch đẩy mạnh phân công và bố trí lại lao động, nhằm sắp xếp và tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, với phương châm tổ chức thực hiện là: Tích cực, vững chắc, tập trung và đồng bộ, đề cao tinh thần tự lực, tự cường.

Ban kinh tế mới của huyện sớm xây dựng quy hoạch, kế hoạch sắp xếp, phân bố lao động, vận động đưa nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở phía Bắc và Tây Nguyên, đối tượng là những lao động dôi dư.

Do làm tốt công tác chuẩn bị địa bàn và được sự giúp đỡ tận tình của cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương. Ngay trong năm 1986, Lý Nhân đã tổ chức đưa 219 hộ, 1.247 nhân khẩu, 693 lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới ở các tỉnh Tây Nguyên.

Về mặt hành chính, trên cơ sở điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính xã Đông Lý, tách thôn Vĩnh Trụ thành lập thị trấn Vĩnh Trụ theo Quyết định số 26/QĐ-HĐBT, ngày 26-02-1987 của Hội đồng Bộ trưởng. Như vậy, đến đầu năm 1987, về mặt hành chính, Lý Nhân có 22 xã, 1 thị trấn.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong chương trình lương thực - thực phẩm, sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển chậm, chưa toàn diện, cơ cấu cây trồng không ổn định, diện tích vụ đông không đều, có nơi còn quá ít, trồng không thành vùng, năng suất lúa của các hợp tác xã Bảo Lý, Chung Lý, Nhân Phúc, Tiến Thắng giảm sút. Chế độ khoán sản phẩm trong nội bộ hợp tác xã chậm đổi mới, cơ chế quản lý, chế độ, chính sách đối với sản xuất và lưu thông phân phối trong nông nghiệp chưa chuyển biến mạnh, chưa phát huy hết tiềm năng kinh tế hộ gia đình xã viên, nguyên tắc phân phối theo

lao động còn bị vi phạm, lợi ích chính đáng của người lao động chưa được bảo đảm. Tình trạng khô đọng sản phẩm vẫn còn tăng, động lực của khoán sản phẩm bị hạn chế.

Quản lý hàng hoá, tiền tệ còn lỏng lẻo, là một trong những nguyên nhân làm rối ren thị trường. Lưu thông, phân phối chưa hỗ trợ tích cực cho sản xuất và chưa có biện pháp để giải quyết cân đối tiền tệ, ngân sách trên địa bàn.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là: Nhận thức tư tưởng của cấp uỷ, chính quyền, của cán bộ, đảng viên chưa chuyển biến kịp với tình hình nhiệm vụ mới. Năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị còn hạn chế, có nơi sự lãnh đạo, chỉ đạo thiếu chặt chẽ, phong cách lãnh đạo, lễ lối làm việc chậm đổi mới. Chưa chú ý đúng mức đến củng cố cơ sở Đảng, nhất là công tác giáo dục chính trị, rèn luyện, quản lý đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, có nơi chi bộ chưa thật sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị tại cơ sở.

Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới và khắc phục hạn chế của Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, ngày 05-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất, khai thác có hiệu quả khả năng đất đai, lao động, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần

kinh tế, thực hiện đổi mới cơ chế khoán, bao gồm đổi mới về tổ chức, về phân phối, quản lý điều hành, về các chính sách kinh tế - xã hội, tạo sự chuyển biến thật sự về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành cho mặt trận sản xuất nông nghiệp, để phát triển sản xuất, tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ trước mắt đối với nông nghiệp nước ta là: Sắp xếp lại tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên môn hoá, kết hợp với kinh doanh tổng hợp, gắn trồng trọt với chăn nuôi, nông nghiệp với lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải, đặc biệt là công nghiệp chế biến và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, gắn phát triển sản xuất với mở rộng lưu thông phân phối giữa các vùng trong nước. Củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp, chuyển hoạt động của các tổ chức này sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục khuyến khích cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Đảm bảo cho các hộ xã viên thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên và người nhận khoán được canh tác trên diện tích có quy mô thích hợp, ổn định trong 15 năm.

Tháng 4-1988, Tỉnh uỷ có Nghị quyết số 08-NQ/TU, Thông báo số 62-TB/TU, UBND tỉnh ra Quyết định số 453/QĐ-UB về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp

trong tỉnh và quy định về cải tiến cơ chế khoán sản phẩm, cải tiến công tác quản lý trong hợp tác xã nông nghiệp. Huyện uỷ đã tập trung sự chỉ đạo vào việc củng cố kiện toàn ban quản lý hợp tác xã, xây dựng và từng bước hoàn chỉnh phương án khoán, đề án giao ruộng, định lượng sản lượng khoán, cùng các định mức chi phí khác. Hoá giá tài sản, máy móc, trâu, bò, sản phẩm, nhà kho cho hộ gia đình xã viên hoặc sử dụng vào các hoạt động phúc lợi của địa phương. UBND huyện ra Hướng dẫn số 269/HD-UB xác định rõ nội dung, nguyên tắc và phương pháp tiến hành. Thực hiện nghiêm túc chủ trương chỉ đạo của Huyện uỷ, tất cả các hợp tác xã đều tiến hành xây dựng đề án khoán mới theo tinh thần Nghị quyết 10 và triển khai thực hiện cơ chế khoán mới trong vụ mùa năm 1988. Hợp tác xã có nhiệm vụ tổ chức sản xuất, chế biến, kinh doanh theo kế hoạch, áp dụng các hình thức khoán thích hợp nhằm phát huy mọi năng lực sản xuất, phát triển mạnh các ngành nghề, mở rộng liên doanh, liên kết, tổ chức quản lý, điều hành các dịch vụ phục vụ sản xuất như: thuỷ nông, làm đất, giống cây trồng, bảo vệ thực vật, xây dựng, quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật của tập thể, chăm lo đời sống của xã viên, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước.

Hộ xã viên là đối tượng giao đất, là đơn vị nhận khoán của hợp tác xã, được quyền chủ động toàn bộ quá trình sản xuất trên ruộng đất nhận khoán theo đúng kế hoạch của hợp tác xã, được quyền làm chủ toàn bộ

sản phẩm làm ra sau khi đã nộp đủ thuế, quỹ cho hợp tác xã...

Ruộng đất được giao ổn định từ 10 - 15 năm để người sử dụng đất yên tâm đầu tư thâm canh. Người nhận khoán có quyền thừa kế, thuê mướn lao động theo nhu cầu sản xuất. Đối với loại đất là thung đào, thung đấu, ao, đầm thì cho đấu thầu, khoán thầu.

Với cơ chế khoán mới, các hợp tác xã phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh. Nhiều hợp tác xã đã chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, tích cực điều chỉnh cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đưa nhanh các loại giống mới có năng suất cao, thời gian sinh trưởng ngắn, có khả năng chống chịu rét và sâu bệnh vào sản xuất như CR203, sử dụng tư liệu sản xuất một cách có hiệu quả, đồng thời vươn lên cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh doanh tổng hợp, khôi phục ngành nghề truyền thống của địa phương để giải quyết thêm việc làm cho xã viên.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị như một luồng gió mới thổi bùng lên tinh thần hăng say lao động, sản xuất, xã viên gắn bó với hợp tác xã, chủ động đầu tư thêm vốn, tư liệu sản xuất, công sức, tính toán làm ăn có hiệu quả.

Ngay trong năm 1988, năng suất các loại cây trồng tăng lên rõ rệt, sản xuất vụ đông đã tạo được bước đột

phá mới, đưa tổng sản lượng lương thực năm 1988 lên 50.915 tấn, vượt chỉ tiêu Đại hội XVIII là 8.915 tấn, đưa mức đóng góp với Nhà nước từ 607 tấn năm 1986 lên 8.090 tấn năm 1989 đạt 115% kế hoạch, là huyện hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước sớm nhất tỉnh. Năm 1989, sản lượng lương thực đạt đỉnh cao 54.984 tấn, trong đó màu quy thóc là 10.113 tấn.

Sản xuất phát triển kích thích các hộ xã viên đầu tư cho chăn nuôi, do vậy tổng đàn lợn từ 42.000 con năm 1988 lên 46.855 con năm 1989. Sản lượng thịt lợn hơi 3.323 tấn, đạt 127,8% kế hoạch. Kết quả trên là sự chuyển biến tiến bộ trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo và tổ chức thực hiện cơ chế khoán mới, động viên được sức mạnh tổng hợp của Đảng bộ và nhân dân chủ động vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi.

Tại Hội nghị tổng kết năm 1988, Huyện uỷ đã nhấn mạnh: Điều có ý nghĩa quan trọng là sự đổi mới về tư duy kinh tế, về phong cách lao động, sự chỉ đạo của các cấp, các ngành, trước hết là vai trò của cấp uỷ. Qua thực tế của những điển hình tiên tiến và những nơi còn chậm phát triển cho thấy: Trong cùng một điều kiện, kết quả cao hay thấp, tùy thuộc vào sự vận dụng nghị quyết của Đảng, nếu chủ động, sáng tạo, quyết tâm phấn đấu, phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng, khơi dậy tinh thần hăng say lao động, khắc phục khó khăn, tạo được lòng tin trong nhân dân thì sẽ mở ra nhiều triển vọng phát triển kinh tế - xã hội.



Do đạt được những thành tựu quan trọng trong đổi mới kinh tế nông nghiệp, nhân dịp đón xuân Kỷ Ty (1989), đồng chí Võ Chí Công - Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đã về thăm Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Về thăm Lý Nhân, đồng chí dành nhiều thời gian đi thăm hợp tác xã Mai Công (xã Đồng Lý), một điển hình tiên tiến của tỉnh về mô hình làm vụ đông giỏi, thăm một số gia đình chính sách theo đạo Công giáo ở thôn Công Xá (Đồng Lý). Nói chuyện với cán bộ, nhân dân trong huyện, đồng chí đã biểu dương ý chí, tinh thần vượt khó và rất tâm đắc với bước đi, cách làm của huyện. Đồng chí nói: *“Điều làm cho người lãnh đạo phải lo lắng là dân đông, đất ít, diện tích bình quân đầu người cả nước là 1.000 m<sup>2</sup>, đồng bằng sông Hồng là 700 m<sup>2</sup>, Lý Nhân là 500 m<sup>2</sup>, hợp tác xã Mai Công là 400 m<sup>2</sup>, mà sản xuất lương thực đủ ăn là vấn đề chúng tôi chưa nghĩ ra, thì Lý Nhân đã giải quyết được... bình quân lương thực đầu người chỉ trong vòng 2 năm đã tăng gần 100 kg. Lý Nhân đã giải quyết được nổi băn khoăn cho người lãnh đạo. Nếu ở đâu cũng thực hiện tốt như Lý Nhân thì đất nước ta mau giàu”*<sup>(10)</sup>. Đồng chí căn dặn Đảng bộ, nhân dân Lý Nhân phải ra sức phấn đấu, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

---

(10) Trích bài phát biểu của đồng chí Võ Chí Công - Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước tại buổi nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân trong huyện đầu xuân Kỷ Ty (1989).



*Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công  
đi thăm cánh đồng ngô vụ đông ở xã Đồng Lý (1989).*

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX (diễn ra từ ngày 17 đến ngày 18-01-1989) đã xác định mục tiêu: Đổi mới cách nghĩ, cách làm, tập trung khai thác mọi tiềm năng thế mạnh của huyện, để xây dựng Lý Nhân ngày càng giàu mạnh. Về tham dự Đại hội lần thứ XIX có 221 đại biểu chính thức, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khoá XIX) gồm 33 uỷ viên chính thức, 3 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Vũ Hành được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

Triển khai quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ huyện, đồng thời thực hiện Quyết định 217/QĐ-HĐBT, Chỉ thị 118/CT-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng đối với khu vực quốc doanh; Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VI), Nghị định 27/NĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh uỷ đối với đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh về giao quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, các đơn vị sản xuất, kinh doanh đã xây dựng đề án mở rộng ngành nghề dưới nhiều hình thức, chủ động tổ chức, bố trí lại sản xuất, phù hợp với điều kiện thực tế và chuyển sang kinh doanh tổng hợp. Rà soát lại toàn bộ cơ sở vật chất - kỹ thuật, thanh lý, hoá giá một số tài sản, máy móc, nâng cao ý thức bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài sản, vốn, quỹ của xí nghiệp. Một số đơn vị vươn ra ngoài huyện tìm nơi tiêu thụ, giải quyết tình trạng tồn đọng sản phẩm, bước đầu đưa cơ sở thoát khỏi khó khăn trong sản xuất do chuyển đổi cơ chế, từng bước ổn định sản xuất và đời sống cho công nhân. Nhờ đó, đến năm 1988, Xí nghiệp cơ khí nông nghiệp đạt 110% kế hoạch, công nghiệp thực phẩm đạt 289%, công nghiệp may đạt 220%, công nghiệp chế biến gỗ đạt 153% kế hoạch, Xí nghiệp gạch ngói đạt 100% kế hoạch, Xí nghiệp đường - giấy hoàn thành kế hoạch trước thời hạn. Các đội sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung sản xuất những mặt hàng chủ yếu có giá trị kinh tế cao, đồng thời đẩy mạnh thu mua đay,

thảm len, thảm đay, thảm bẹ ngô, mây tre đan, khay trai, vải khổ rộng, bánh đa nem, bao tải phục vụ cho xuất khẩu. Đến năm 1989, Lý Nhân là đơn vị có sản lượng hàng hoá xuất khẩu lớn nhất tỉnh: với 2.000 tấn đay, hơn 40 tấn long nhãn, 60.000 m<sup>2</sup> thảm đay, 500 tấn khoai tây... Tổng giá trị hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện trong các năm từ 1988 - 1990 đạt 97,8 triệu đồng, bằng 115% kế hoạch. Riêng năm 1989 tổng giá trị hàng xuất khẩu đạt 65 triệu đồng<sup>(11)</sup>.

Từ năm 1989, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các đơn vị tích cực chuyển hướng sản xuất, kinh doanh, do vậy, kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân có chuyển biến trong sản xuất, kinh doanh, tăng cường phát triển sản xuất theo mô hình tổ hợp và cá thể. Đã xây dựng được 20 tổ hợp, 180 hộ cá thể, tăng 35 hộ so với năm 1988. Các tổ hợp đã chủ động đầu tư từ khâu sản xuất, chế biến đến lưu thông sản phẩm, khai thác tốt tiềm năng đất đai, lao động, sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Bên cạnh đó, kinh tế VAC<sup>(12)</sup> bước đầu phát triển ở nhiều nơi, điển hình là phong trào cải tạo vườn, ao, chuồng để nuôi, trồng những cây, con cho giá trị kinh tế cao ở Văn Lý, Hợp Lý...

Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 02-5-1988 của Bộ Chính trị

---

(11) Tính theo giá cố định năm 1982.

(12) Kết hợp vườn, ao, chuồng.

về các biện pháp cấp bách chống lạm phát. Huyện uỷ coi đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, nên được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường kiểm tra nắm vững tình hình, tích cực huy động khối lượng lớn hàng và tiền để mua đổi lương thực, khẩn trương thu thuế, quỹ và thu nợ, kiểm soát chặt chẽ việc tiếp nhận và phân phối vật tư, hàng hoá do tỉnh hỗ trợ, kết hợp thu mua tại chỗ bảo đảm cho tiêu dùng và xuất khẩu. Chỉ đạo sát sao việc thu ngân sách, khắc phục một phần sự mất cân đối về ngân sách, tiền tệ, bình ổn giá cả, dần đưa cơ chế quản lý mới đi vào cuộc sống.

Do vậy đến năm 1989 - 1990, hàng hoá trên địa bàn phong phú và đa dạng, không còn tình trạng khan hiếm như trước, lưu thông vật tư, hàng hoá giữa các vùng trong huyện dễ dàng, thuận tiện. Việc thực hiện cơ chế mua theo giá thoả thuận, bán theo giá kinh doanh đối với hầu hết hàng hoá lưu thông trên thị trường được người tiêu dùng chấp thuận, hiện tượng mua bán vòng vèo, đẩy giá lên, ăn chênh lệch được ngăn chặn, giá cả tương đối ổn định, ít có biến động, sức mua của đồng tiền được nâng lên.

Năm 1990, Ngân hàng Nông nghiệp huyện thực sự chuyển sang kinh doanh theo hướng “đi vay để cho vay”. Từ ngày 01-10-1990, Pháp lệnh của Nhà nước về: Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính có hiệu lực thi hành. Ngân hàng cơ sở có trách nhiệm huy

động vốn và đầu tư vốn hiệu quả. Trong điều kiện nền kinh tế đang chuyển đổi, giá cả biến động nhiều, hoạt động của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, mua bán, làm ăn thua lỗ, sa sút, gây khó khăn cho việc thu hồi vốn. Từ ngày 01-4-1990, Kho bạc tách khỏi Ngân hàng thành hệ thống Kho bạc Nhà nước. Được Huyện uỷ quan tâm lãnh đạo, Ngân hàng Lý Nhân đã tích cực, chủ động đầu tư để phát triển sản xuất, khai thác có hiệu quả các nguồn thu, đáp ứng yêu cầu thiết yếu. Hệ thống tín dụng thực hiện tốt cuộc vận động gửi tiền tiết kiệm, đưa số dư bình quân từ 141 đồng/người lên 1.000 đồng/người vào năm 1990.

Ngành xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo, ưu tiên vốn cho những công trình trọng điểm, trong các năm từ 1986 - 1990, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, đã xây dựng được một số công trình trọng điểm như hoàn thành chỉ tiêu đắp đê, thi công kè Chương Xá, đường dây tải điện Mai Xá - Hồng Lý dài 11 km, sửa chữa nâng cấp trạm biến áp trung gian Nhân Khang, hoàn thành cơ bản nhà cao tầng trường phổ thông cơ sở Bắc Lý, nhà làm việc UBND huyện, trạm bơm Quan Trung (Văn Lý), nhà hát nhân dân, cửa hàng bách hoá Vĩnh Trụ... Riêng 2 năm cuối nhiệm kỳ Đại hội XIX, đã huy động được 2.431 triệu đồng.

Ngành giao thông - vận tải đã tiến hành củng cố, rải cứng các mặt đường trục, đê sông Hồng, với tổng kinh phí 630 triệu đồng. Trong lĩnh vực vận tải, mở thêm

một số tuyến đường, tăng thêm phương tiện vận tải quốc doanh và ngoài quốc doanh, tập trung chuyên chở vật tư, hàng hoá và vận tải hành khách. Do đó, việc đi lại, lưu thông, vận chuyển hàng hoá có nhiều thuận lợi.

Công tác văn hoá - xã hội có chuyển biến tiến bộ. Năm 1989 hình thành mô hình Trung tâm Y tế cấp huyện, củng cố, nâng cao chất lượng Phòng khám đa khoa khu vực Bắc Lý, Bệnh viện Nam Lý. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của ngành được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn và y đức. Tăng cường cán bộ và giường bệnh cho tuyến cơ sở. Năm 1985, toàn huyện có 178 cán bộ y tế, trong đó có 18 bác sỹ, 7 dược sỹ; đến năm 1990 có 256 cán bộ trong đó có 26 bác sỹ. Chất lượng công tác phòng, khám, chữa bệnh được coi trọng, trước hết là tuyến cơ sở. Tổ chức tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả các chương trình bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân do tỉnh đầu tư. Đổi mới công tác sản xuất, kinh doanh thuốc nhằm nâng cao chất lượng, bảo đảm nhu cầu thuốc thiết yếu, việc trồng, hái, chế biến dược liệu tại chỗ được duy trì đầy mạnh. Hoàn thành chương trình 5 dứt điểm trước thời hạn được Bộ, Sở Y tế công nhận từ năm 1989. Thực hiện đồng bộ, toàn diện chương trình chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được coi trọng. Năm 1988, Ban Thường vụ Huyện uỷ có Chỉ thị số 03-CT/HU về tập trung sự lãnh đạo thực hiện thắng

lợi cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình theo Chỉ thị 29 và Quyết định 162/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng với mục tiêu hạ tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên xuống 1,55% vào năm 1990. Mục tiêu này đã trở thành một trong những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Hội đồng nhân dân huyện biểu quyết. Năm 1989, Sở Y tế đầu tư xây dựng Trung tâm hướng dẫn kế hoạch hoá gia đình với tổng kinh phí là 21 triệu đồng và đưa vào sử dụng trong năm 1990. Ủy ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình huyện cùng các ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục cộng đồng và các đối tượng cá biệt, kết hợp hài hoà công tác vận động, giáo dục với các biện pháp hành chính, kinh tế. Đồng thời tập trung chỉ đạo có trọng tâm và thời điểm thích hợp để phát động thành các chiến dịch tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện mô hình gia đình nhỏ, mỗi cặp vợ chồng chỉ có từ 1 đến 2 con, tổ chức tốt công tác dịch vụ y tế về dân số - kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn. Nhờ vậy, đã hạ tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của huyện từ 2,05% năm 1985, xuống 1,89% năm 1986 và 1,5% vào năm 1989.

Tuy nhiên, công tác y tế của huyện vẫn còn một số tồn tại. Phong trào quần chúng giữ vệ sinh, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch, bệnh chưa mạnh, thiếu đồng đều. Mạng lưới y tế một số xã còn yếu, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bệnh viện huyện, phòng khám đa khoa



khu vực, trạm y tế xã chậm được đổi mới. Việc xã hội hoá công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân chưa tốt. Công tác quản lý những người hành nghề y, được tư nhân thiếu chặt chẽ.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Trung ương 6 (khoá VI) với nội dung chủ yếu là: Cần đổi mới hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý, chuyển mạnh công tác chăm sóc sức khoẻ theo hướng dự phòng, kết hợp y học dân tộc với y học hiện đại, tăng cường các hoạt động về chăm sóc sức khoẻ ban đầu, bảo vệ bà mẹ trẻ em, mở rộng phát triển thể dục - thể thao trong nhân dân, trước hết là trong thanh, thiếu niên, học sinh. Ngày 28-02-1990, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết số 09-NQ/HU về công tác y tế năm 1990 - 1991 với các chủ trương và biện pháp cần tập trung lãnh đạo là: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình chăm sóc sức khoẻ ban đầu, phát động mạnh mẽ, sâu rộng và thường xuyên phong trào quần chúng thực hiện vệ sinh phòng bệnh, từng bước làm sạch môi trường sống, giải quyết cơ bản tình trạng sử dụng nước ao, nước sông, ngòi vào việc ăn, uống ở nông thôn. Phấn đấu có trên 95% số trẻ, bà mẹ mang thai được tiêm phòng 6 bệnh truyền nhiễm. Tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở. Trong đó sớm hình thành Trung tâm Y tế huyện (đây là lần hình thành Trung tâm Y tế huyện lần thứ 2), với cơ cấu bao gồm cả y tế và dược, đưa Công ty dược vào Trung

tâm Y tế huyện, chuyển Trạm chống lao thành một khoa của Trung tâm.

Nghị quyết cũng nhấn mạnh trong năm 1990 cần chú trọng thực hiện 6 chương trình quốc gia về y tế: Kiện toàn mạng lưới tổ chức y tế, chương trình tiêm chủng mở rộng, dân số - kế hoạch hoá gia đình, chương trình thuốc và vật tư thiết yếu, mở rộng dịch vụ khám chữa bệnh công, phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh dịch khác. Nghị quyết được các cấp, các ngành triển khai thực hiện và thu được kết quả bước đầu ngay trong năm 1990.

Trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, sự quan tâm đầu tư cho giáo dục có hạn nên sự nghiệp giáo dục phát triển chậm. Hiện tượng học sinh bỏ học nhiều, còn có giáo viên bỏ nghề. Tuy nhiên phong trào giáo dục điểm của trường trung học cơ sở Bắc Lý vẫn phát huy vai trò đơn vị Anh hùng, chất lượng giáo dục của các ngành học vẫn được giữ vững. Đến năm học 1990 - 1991, toàn huyện có 24 trường mầm non với 40 giáo viên và 7.606 cháu; 30 trường tiểu học với 23.020 học sinh; 27 trường trung học cơ sở với 9.496 học sinh.

Nhờ có cơ chế khoán 10, kinh tế phát triển, một bộ phận nhân dân đã có tích lũy, đầu tư cho tái sản xuất, cải thiện điều kiện sinh hoạt, đi lại, học hành cho con em. Đến năm 1990 đã có 80% số hộ nông dân có nhà

ngói, trong đó 50% kiên cố và bán kiên cố, các đối tượng gia đình chính sách được quan tâm chăm sóc, các đoàn thể giúp đỡ, hoặc nhận đỡ đầu cho nên tương đối ổn định về vật chất, vui vẻ về tinh thần.

Nhận thức và quán triệt những quan điểm Nghị quyết 02-NQ/TW của Bộ chính trị, Nghị quyết số 22-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về nhiệm vụ quốc phòng, Đảng bộ đã thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cấp uỷ Đảng, chính quyền và các lực lượng vũ trang trong huyện về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhận rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, chủ động đối phó có hiệu quả trong mọi tình huống. Nắm chắc ý nghĩa chiến lược về nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở xây dựng khu vực phòng thủ của tỉnh, của huyện, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, quốc phòng với an ninh. Tổ chức phát động phong trào thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang với nhiều hình thức thiết thực gắn với phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa ở địa phương. Đã chú ý coi trọng và giữ vững các điển hình tiên tiến ở Đạo Lý, Nhân Thịnh, Đức Lý, Nhân Nghĩa, Nhân Hưng, Nhân Khang, Nhân Bình, Nhân Mỹ, Xí nghiệp đường - giấy, Xí nghiệp gạch ngói, giúp đỡ các cơ sở yếu vươn lên.

Việc xây dựng lực lượng vũ trang theo tinh thần Chỉ thị số 55-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương (khoá VI), Nghị định số 29/NĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên với yêu cầu số lượng phù hợp, chất lượng đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ. Đến năm 1990, toàn huyện xây dựng được 25 đại đội, 15 trung đội, 79 tiểu đội ở các cơ sở và cơ quan, xí nghiệp. Tỷ lệ dân quân đạt 1,92% so với dân số, tự vệ đạt 22,3% so với tổng số cán bộ, công nhân viên chức. Duy trì phân đội cơ động mạnh ở một số xã trọng điểm, bước đầu hoạt động có hiệu quả trong việc giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, bảo vệ tài sản của nhân dân.

Lực lượng dự bị động viên đã điều chỉnh bổ sung cho Trung đoàn 180, Sư đoàn 350 và Tiểu đoàn dự bị động viên của huyện ổn định về quân số.

Với phương châm huấn luyện cơ bản có trọng tâm, trọng điểm, sát với yêu cầu, nhiệm vụ, coi trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và công tác tham mưu từ huyện đến cơ sở, công tác huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu hàng năm đã hoàn thành nội dung, chương trình và thời gian. Năm 1990, có 100% số đơn vị được tổ chức bồi dưỡng và huấn luyện, trong đó có 87% đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ bắn súng đạt loại giỏi. Thực hiện nhiệm vụ diễn tập phòng thủ PH-90, với 88% quân số dự bị động viên tham gia, đã đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Đến năm 1989, tình hình trật tự trị an đã có chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn một số mặt phức tạp, đặc biệt là các vùng giáp ranh với các huyện, tỉnh bạn. Thực hiện Chỉ thị 135/CT, ngày 14-5-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, cùng với Nghị quyết 03, 07 của Bộ Chính trị, huyện đã phát động phong trào toàn dân giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tham gia phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Ngành Công an đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc phát động phong trào "*Quân chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc*" được đông đảo nhân dân tích cực hưởng ứng, do vậy công tác an ninh, an toàn nội bộ của huyện được giữ vững, không để xảy ra đột biến bất ngờ. Đến năm 1990, qua 6 đợt phát động thực hiện Chiến dịch 135 và Tuần lễ an toàn giao thông quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan chức năng đã tập trung giải quyết những tụ điểm phức tạp ở thị trấn Vĩnh Trụ, chợ Phúc, Chợ Lý, chợ Cầu Khổng (Bắc Lý), chợ Quán (Nhân Nghĩa)... Lập biên bản yêu cầu tháo dỡ 8 căn nhà, 79 hàng quán vi phạm Pháp lệnh quản lý đê điều. Kiểm tra, xử lý 138 lượt phương tiện giao thông có vi phạm, thu hồi hơn 100 triệu đồng vốn bị chiếm dụng và các khoản nợ khác về cho ngân sách. Đi đầu trong phong trào này là: cơ quan Quân sự huyện, Công an huyện, Phòng Giao thông, Phòng Tài chính và các xã: Văn Lý, Tiến Thắng, Đạo Lý, Phú Phúc, Nhân Hưng, Nhân Bình, Nhân Khang...

Trước những hiện tượng tiêu cực xã hội và sự giảm sút ý chí chiến đấu, bảo thủ, trì trệ của nhiều tổ chức Đảng, ngày 12-9-1987, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 04-NQ/TW về “Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội”. Đây là cuộc vận động của Đảng, được tiến hành trong suốt nhiệm kỳ Đại hội VI, nhằm thúc đẩy công cuộc đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi để xoá hẳn cơ chế bao cấp, ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội và là cuộc đấu tranh giữa tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cá nhân chủ nghĩa, giữa 2 con đường và đấu tranh chống âm mưu phá hoại nhiều mặt của địch. Cuộc vận động yêu cầu phải loại ra khỏi các tổ chức những phần tử thoái hoá biến chất. Phải thay đổi những cán bộ không kiên quyết thực hiện những chủ trương đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, những người không đủ năng lực đảm đương nhiệm vụ. Đối với cán bộ, đảng viên có sai lầm, khuyết điểm thì tùy tính chất, mức độ mà có hình thức kỷ luật thích đáng. Về kiện toàn tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, các đoàn thể, Nghị quyết nhấn mạnh: Kiện toàn theo tinh thần đổi mới phong cách làm việc, từ đó nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực của các tổ chức. Quán triệt Nghị quyết 04-NQ/TW, Huyện uỷ đã xây dựng Kế hoạch số 04-KH/HU, ngày 30-11-1987 để hướng dẫn cơ sở triển khai thực hiện.

Đảng bộ đã kết hợp chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết 04 với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, kết hợp tự phê bình và phê bình thường xuyên của cán bộ, đảng viên, phát động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo tinh thần tin vào dân, dựa vào dân và lấy dân làm gốc.

Qua cuộc vận động, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên có nhiều chuyển biến tích cực, ngay cả khi tình hình kinh tế khó khăn đầu năm 1988, nhưng số đông cán bộ, đảng viên vẫn vững vàng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tham gia đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, giảm sút ý chí chiến đấu và thiếu tinh thần trách nhiệm, bảo thủ, nói và làm không theo nghị quyết. Củng cố, kiện toàn tổ chức, sức chiến đấu của đảng bộ, chi bộ được nâng lên, tinh thần làm chủ của nhân dân được phát huy là động lực thúc đẩy việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong các năm từ 1988 - 1990. Đồng thời, Đảng bộ cũng đã tiến hành xử lý kịp thời, nghiêm minh một số vụ vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước trên địa bàn.

Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên có nhiều chuyển biến, đưa số đảng bộ, chi bộ đạt tiêu chuẩn phổ cập lý luận chính trị từ 16 đảng bộ, chi bộ năm 1988 lên 73 đảng bộ, chi bộ năm 1990, với 338 cán bộ chủ chốt của ngành, cơ sở được bồi dưỡng, đào tạo chương trình trung cấp lý luận và quản lý kinh tế, nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật.

Số đảng bộ, chi bộ vững mạnh với 5 yêu cầu của cuộc vận động theo tinh thần Chỉ thị 79 và Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị đến năm 1988 có 18 đơn vị, bao gồm 10 đảng bộ xã và 8 đảng bộ, chi bộ khối cơ quan; 227 chi bộ thôn xóm, đạt 5,4% số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở được công nhận chi bộ vững mạnh; 243 chi bộ khá, bằng 48,6%; 32 chi bộ yếu kém, bằng 6%. Số đông cán bộ, đảng viên qua rèn luyện thử thách đều giữ vững niềm tin, phát huy tinh thần gương mẫu trong công việc. Từ năm 1986 đến năm 1988 có 45% số đảng viên phát huy tác dụng, còn 3,8% số đảng viên có khuyết điểm sai phạm. Đến năm 1990, số đảng viên phát huy tác dụng tăng lên 67%. Để bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất và rút gọn đầu mối tổ chức cơ sở đảng, Huyện uỷ quyết định chuyển 17 đảng bộ bộ phận về sinh hoạt với đảng bộ xã.

Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng, trong 5 năm đã kết nạp được 283 đảng viên mới sinh hoạt tại 73 đảng bộ cơ sở. Công tác kiểm tra có nhiều chuyển biến về nhận thức, nhiều cấp uỷ đã thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của cấp uỷ. Một số cấp uỷ đã chỉ đạo gắn việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ với việc kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và kiểm tra đảng viên vi phạm, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra của Đảng và thanh tra Nhà nước, đã giải quyết, kết luận, xử lý được những vướng mắc, tồn tại kéo dài. Một số vụ việc xử lý



ngghiêm, được cán bộ, đảng viên và quần chúng đồng tình ủng hộ, do vậy đã thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị và củng cố, kiện toàn tổ chức ở cơ sở. Riêng năm 1987, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã kết luận và quyết định kỷ luật 111 đảng viên, trong đó khai trừ ra khỏi Đảng 16, cảnh cáo 35, cách chức 6, khiển trách 24, xoá tên và cho rút khỏi danh sách 30 đảng viên. Giải quyết dứt điểm 40/40 đơn thư khiếu tố của quần chúng đối với đảng viên, khôi phục đảng tịch cho một số đảng viên đã có thời gian thử thách, phấn đấu tốt.

Tháng 4-1987, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện, xã thành công tốt đẹp với số lượng cử tri đi bầu cao. Sau bầu cử, bộ máy chính quyền được kiện toàn, tạo ra chuyển biến mới trong lãnh đạo, quản lý và điều hành, nhất là việc cải tiến, xây dựng quy chế hoạt động, làm rõ chức năng của chính quyền theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế hành chính theo Quyết định 227/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng được huyện chỉ đạo tiến hành khẩn trương, nghiêm túc. Hoạt động của Hội đồng nhân dân đã đi vào nền nếp theo quy chế và có chất lượng. Đội ngũ cán bộ được chú ý đào tạo bồi dưỡng, đến năm 1990 có 98% số cán bộ thường trực UBND xã, thị trấn được bồi dưỡng về quản lý nhà nước, nên từng bước đã phát huy hiệu lực của chính quyền trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thường trực tiếp

dân, giải quyết những vấn đề từ cơ sở có tiến bộ, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị có hiệu quả.

Trong những năm đầu chuyển đổi cơ chế, công tác vận động quần chúng có nhiều lúng túng trong việc chuyển hướng hoạt động. Song, được các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo, chăm lo xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức, tạo điều kiện cho các đoàn thể đẩy mạnh hoạt động. Các đoàn thể đã có nhiều cố gắng thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, tổ chức giáo dục, vận động quần chúng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, lòng yêu nước, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, theo hướng dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Cho nên, nhiều nơi phong trào quần chúng có chuyển biến, đã động viên được nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất, đoàn kết, tiết kiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất trong nông nghiệp, thực sự đã trở thành phong trào quần chúng trong các đoàn thể.

Sau 10 năm thực hiện phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, chị em phụ nữ Lý Nhân sôi nổi thi đua, hăng say lao động, sản xuất, tích cực học tập, công tác đạt thành tích đáng mừng. Đến năm 1988, có 2.690 chị đạt danh hiệu Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong đó 4.352 chị

đạt 8 đến 9 năm, 2.001 chị đạt 5 đến 7 năm liền danh hiệu này trên tổng số 19.698 hội viên tham dự bình bầu, có 23 chị đạt danh hiệu xuất sắc, được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khen thưởng. Tổng kết 10 năm thực hiện cuộc vận động, Hội Phụ nữ huyện vinh dự được Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện tặng bức trướng: *Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Thực hiện công cuộc đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nói chung, của chị em phụ nữ trong huyện nói riêng có bước được cải thiện. Nhưng trong cơ chế mới, cùng với các yếu tố tích cực, thì mặt trái của nó ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động, như thiếu việc làm, dôi thừa lao động, chế độ phúc lợi xã hội hạn chế... Trong quá trình tổ chức lại sản xuất, thì một bộ phận lao động nữ có tay nghề thấp, sức khoẻ kém thuộc diện tinh giảm biên chế, phải thôi việc, đời sống gia đình khó khăn, chị em phải bươn trải để duy trì cuộc sống.

Từ yêu cầu thực tế trên, ngày 08-3-1988 Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động 2 cuộc vận động: Phụ nữ làm kinh tế giỏi và Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học. Hai cuộc vận động trên được Huyện uỷ quan tâm lãnh đạo, Huyện hội tổ chức triển khai, thực hiện ở cơ sở, đạt hiệu quả thiết thực.

Các cấp hội phụ nữ trong huyện có nhiều biện pháp hướng dẫn hội viên đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Phối hợp với các ngành chức năng đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, làm kinh tế gia đình. Nhiều cơ sở chủ động tìm nguồn, mở lớp đào tạo nghề, phổ biến kiến thức chăn nuôi, trồng trọt theo mô hình VAC. Nhiều chị em gặp khó khăn về giống, vốn được các cấp hội vận động, giúp đỡ tạo việc làm. Sau 2 năm thực hiện cuộc vận động, các cấp hội đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm trao đổi kinh nghiệm sản xuất, giới thiệu những cách làm hay để phát triển kinh tế gia đình và nhiều lớp tập huấn kỹ thuật nuôi, trồng các cây, con đặc sản, đã giúp hội viên mở mang kiến thức, có thêm kinh nghiệm để áp dụng vào thực tế cuộc sống. Nhiều đơn vị đã duy trì và mở rộng nghề phụ tạo việc làm, tăng thu nhập cho chị em như đan lát ở Đạo Lý, thêu ren xuất khẩu ở Nhân Khang, Đức Lý, thị trấn Vĩnh Trụ, làm nón ở Nhân Chính, dệt vải ở Hoà Hậu...

Năm 1990, Hội Phụ nữ huyện phát động chiến dịch truyền thông cuốn sách “Những điều cần cho sự sống” làm tài liệu tuyên truyền cho việc thực hiện cuộc vận động phụ nữ nuôi dạy con tốt, hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học. Đã giúp cho hội viên phụ nữ có thêm kiến thức tổ chức cuộc sống gia đình, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch để nuôi dạy con tốt, chống suy dinh dưỡng.

Những cố gắng trên đã góp phần thực hiện mục tiêu chăm lo lợi ích thiết thực của phụ nữ, quyền làm chủ và

sự phát triển toàn diện của phụ nữ, vì “Hoà bình, bình đẳng và phát triển”.

Năm 1988, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam phát động phong trào thi đua làm giàu yêu nước, xoá đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới với 4 nội dung, động viên người dân tích cực lao động, sản xuất, ổn định cuộc sống, tăng thu nhập gia đình, làm giàu cho chính bản thân mình và cho quê hương, đất nước. Từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, với việc xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ và chính sách tự do lưu thông, đã phát huy mạnh mẽ, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường của giai cấp nông dân trong huyện, tích cực khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh trong nông nghiệp, từng bước khắc phục khó khăn, phá thế thuần nông, độc canh cây lúa, theo hướng tự cung, tự cấp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất kinh doanh toàn diện và trao đổi hàng hoá.

Đại bộ phận nông dân đã chủ động, tích cực tiếp thu và ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Các cấp hội chủ động phối hợp với các ngành chức năng, mở nhiều lớp tập huấn về sản xuất, chăn nuôi theo khoa học - công nghệ mới, vận động hội viên giúp nhau giống, vốn để sản xuất, do đó sản lượng lương thực, thực phẩm ngày một tăng, năm sau cao hơn năm trước. Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được duy trì, mở rộng quy mô và tổ chức sản xuất tạo nhiều việc làm, tăng thêm thu nhập.

Vì vậy, đến năm 1990 đã giảm được hộ đói nghèo, hộ khô đọng sản phẩm, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội của huyện.

Phong trào thanh niên có bước đi đúng hướng gắn với việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, từng bước thích ứng cơ chế quản lý mới. Đến năm 1990, có 21.716 đoàn viên, thanh niên được tập hợp trong tổ chức của Đoàn, bằng 48,5% số người trong độ tuổi. Công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, thanh niên có tiến bộ, đã xác định được nội dung, phương thức hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của thanh niên, tổ chức được nhiều hoạt động quy mô lớn toàn huyện như công trình thanh niên trong các chiến dịch làm thủy lợi, đắp đê, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm trong các xí nghiệp, liên hoan văn hoá, văn nghệ, xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên trẻ thực hiện nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với lứa tuổi thanh niên... Chương trình hành động tuổi trẻ xung kích đẩy mạnh sản xuất lương thực và phát triển nghề nghiệp toàn diện do Trung ương Đoàn phát động tháng 01-1984 với 3 chương trình cụ thể: Học tập, rèn luyện xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; Tuổi trẻ lao động, sáng tạo, tiết kiệm và giải quyết việc làm cho thanh niên; Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận an ninh, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc đã được quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện triệt để trong Đoàn Thanh niên từ huyện đến cơ sở.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đoàn viên, thanh niên trong huyện luôn là lực lượng đi đầu trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tiến quân vào thâm canh tăng năng suất lao động. Hội đồng phụ trách Đội của huyện đổi mới phương pháp hoạt động góp phần tăng cường sự chỉ đạo của Đoàn đối với công tác Đội và phong trào thiếu nhi. Phong trào học tập, rèn luyện theo 5 điều Bác Hồ dạy trở thành phong trào hành động của thiếu niên trong trường học, ngày càng có nhiều em đạt danh hiệu Cháu ngoan Bác Hồ. Từ những cố gắng đó, 3 năm liền (1988 - 1990) phong trào Đoàn của Lý Nhân được Tỉnh đoàn xếp loại xuất sắc, Hội đồng phụ trách Đội dẫn đầu của cụm phía Bắc tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng chưa thực sự ngang tầm với nhiệm vụ chính trị. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa nhạy bén, thường xuyên, liên tục, kịp thời và sâu rộng, chưa thực hiện tốt phương châm: Cấp uỷ và toàn Đảng bộ làm công tác chính trị, tư tưởng, có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng, thậm chí chủ quan. Việc cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết thành biện pháp thực hiện còn chậm, thiếu thiết thực, tư tưởng bảo thủ, ỷ lại còn nặng, ý thức tổ chức, kỷ luật chưa nghiêm. Việc đấu tranh tự phê bình và phê bình còn yếu, thông tin chưa kịp thời nên có đồng chí hoang mang, dao động.

Công tác tổ chức bộ máy có giảm nhưng chưa tinh, một số đơn vị hoạt động kém hiệu quả, công tác cán bộ

còn bị động, lúng túng trong thực hiện quy hoạch, chưa đáp ứng được yêu cầu, còn tình trạng bảo thủ, nể nang, cảm tình trong việc lựa chọn, đề bạt cán bộ, do đó ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Nhiều chi bộ Đảng sinh hoạt chưa đều, chất lượng sinh hoạt chưa cao, chưa đảm bảo 3 tính chất: lãnh đạo - giáo dục và chiến đấu. Vai trò lãnh đạo toàn diện của chi bộ bị hạn chế. Nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được tôn trọng đầy đủ, chí tiến thủ, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên nhất là đảng viên trẻ giảm sút.

Cuộc vận động xây dựng chi bộ vững mạnh, chưa gắn chặt với cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nên số đảng bộ, chi bộ vững mạnh chưa được phát huy, việc giải quyết điểm yếu chưa dứt điểm. Năm 1988 còn 5 đảng bộ, chi bộ cơ sở và 32 chi bộ đội sản xuất yếu kém.

Công tác vận động quần chúng chuyển biến chưa kịp với yêu cầu. Các tổ chức đoàn thể quần chúng chưa đi sâu vào củng cố tổ chức để đưa hoạt động vào nền nếp, có nơi còn là hình thức, năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế.

Chỉ đạo điều hành của chính quyền còn lúng túng, chưa chuyển biến kịp theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, tư tưởng hữu khuynh, né tránh, thiếu kiên quyết còn biểu hiện ở nhiều nơi, nên những biểu hiện tiêu cực và



vi phạm chính sách, pháp luật chưa được ngăn chặn, xử lý nghiêm minh.

Nguyên nhân của tình hình trên, một phần do khách quan chi phối, nhưng phần lớn là do nỗ lực chủ quan còn hạn chế. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã nghiêm túc xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tìm hướng tháo gỡ để đưa Lý Nhân phát triển đi lên.

## **II. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẢNG (1991 - 1995).**

Đảng bộ và nhân dân Lý Nhân triển khai thực hiện nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh công cuộc đổi mới bước đầu đạt được những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, những tác động khách quan và chủ quan chưa hề giảm bớt đòi hỏi sự nỗ lực hết mình của toàn Đảng, toàn dân, kiên quyết thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Trước hết là ảnh hưởng về mặt tư tưởng sau sự kiện sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Những diễn biến quốc tế phức tạp đã tác động xấu đến tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta. Song, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì tìm tòi, khai phá từng bước đi cho sự nghiệp đổi mới, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI

vào cuộc sống. Đến năm 1988, những chủ trương, chính sách đổi mới bắt đầu mang lại kết quả rõ rệt, tình hình kinh tế và đời sống nhân dân được cải thiện, sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được mở rộng, lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới tăng lên.

Tuy nhiên, những kết quả do đổi mới đem lại còn hạn chế và chưa vững chắc. Do những thiếu sót chủ quan và tác động bất lợi của những yếu tố khách quan, từ cuối năm 1990, bên cạnh những nhân tố tích cực, thì tình hình kinh tế - xã hội có những diễn biến phức tạp mới, sản xuất, kinh doanh ở nhiều cơ sở đình đốn kéo dài, lạm phát vẫn ở mức cao, tình trạng tham nhũng, tiêu cực trong xã hội có chiều hướng gia tăng.

Lợi dụng sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô, chủ nghĩa đế quốc đã lợi dụng cơ hội này ra sức thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, kích động đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập, ra sức tấn công vào Đảng ta, hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trên thế giới, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đang phát triển như vũ bão, xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá đang tạo ra những thời cơ và thách thức gay gắt cho tất cả các nước, nhất là các nước đang phát triển, đồng thời cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề lớn có tính chất toàn cầu như xung đột tôn giáo, sắc tộc, đói nghèo, bệnh tật... Bên cạnh đó, cách mạng Việt Nam còn phải

đối phó với những nguy cơ, thách thức mới hết sức gay gắt đó là sự tụt hậu về kinh tế, tham nhũng, sự thoái hoá về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên trước tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa và diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch. Tình hình trên tác động to lớn đến tâm trạng, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, thời gian này tình hình ở Phú Phúc và một số nơi trong huyện diễn biến phức tạp, chủ yếu là khiếu kiện, tranh chấp đất đai giữa 2 thôn Thanh Nga và Nhân Phúc của hợp tác xã Nhân Phúc kéo dài từ năm 1989, bùng phát thành các cuộc ẩu đả, gây hậu quả nghiêm trọng.

Nguyên nhân bắt đầu từ việc chuyển giao quyền sử dụng đất lâu dài theo cơ chế khoán 10 và thực hiện Luật đất đai, tiềm năng sinh lợi của đất được chú trọng khai thác và khai thác có hiệu quả, đã tạo động lực cho phát triển sản xuất, mặt khác, dân số và lao động tăng nhanh trong khi quỹ đất thì có hạn, một số hợp tác xã quy mô lớn có nhiều nhu cầu chia tách, dẫn đến tranh chấp. Sự việc được các cấp quan tâm giải quyết nhưng chưa triệt để. Một số phần tử xấu nhân cơ hội kích động, khống chế, lôi kéo quần chúng vào các hoạt động gây rối an ninh trật tự kéo dài.

Thực trạng Nhân Phúc lúc đó được tỉnh và huyện xác định là một điểm nóng phức tạp về mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân do tư tưởng cục bộ địa phương, nên đã tập trung chỉ đạo giải quyết. Từ việc xác định đúng

nguyên nhân của mâu thuẫn, dưới sự lãnh đạo của tỉnh, Huyện uỷ chỉ đạo các ngành, đoàn thể phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, chính quyền địa phương tăng cường công tác giáo dục chính trị, xử lý nghiêm minh những đối tượng vi phạm, giải quyết mâu thuẫn, nhân dân đồng tình ủng hộ.

Tháng 6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã tổng kết, đánh giá một chặng đường đổi mới đất nước từ sau Đại hội VI và đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đây là những chủ trương, định hướng lớn, là cơ sở phát triển của đất nước nói chung và Lý Nhân nói riêng.

Nhằm đánh giá hoạt động của Đảng bộ huyện trong nhiệm kỳ 2 năm (1989 - 1991), thi hành Chỉ thị số 59-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Kế hoạch hướng dẫn của Tỉnh uỷ về đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 1991 - 1995. Sau một thời gian chuẩn bị tích cực, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX được tiến hành từ ngày 22 đến ngày 23-10-1991. Tham dự Đại hội có 222 đại biểu chính thức, thay mặt cho 6.791 đảng viên trong toàn huyện<sup>(13)</sup>. Đại hội nhận định:

---

(13) Dẫn từ báo cáo đánh giá các mặt công tác trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, ngày 25-02-1991 của Huyện uỷ Lý Nhân. Tài liệu lưu VPHU, tr.6.

Trong hoàn cảnh khó khăn chung của đất nước, khủng hoảng kinh tế chưa chấm dứt, lạm phát còn ở mức cao, song dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, giành được nhiều thắng lợi trên mọi mặt kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, đặc biệt trên mặt trận sản xuất nông nghiệp đã giành được kết quả khá về sản xuất lương thực.

Đại hội cũng chỉ ra một số mặt tồn tại cần khắc phục trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp là: Mối quan hệ giữa sở hữu và sử dụng các tư liệu sản xuất chưa cân xứng. Nhất là sở hữu tư liệu sản xuất của Nhà nước về đất đai, cơ sở vật chất của tập thể, việc giao quỹ đất của các xã, hợp tác xã nông nghiệp cho người nhận khoán còn manh mún. Thu hồi sản phẩm kê đọng còn yếu (cả huyện còn 4.000 tấn), tình trạng khoán trắng còn ở nhiều cơ sở, tệ lẩn chiếm đất đai phức tạp.

Với tinh thần phát huy kết quả, khắc phục tồn tại, Đại hội đã tiến hành thảo luận và đề ra phương hướng phấn đấu trong 5 năm 1991 - 1995 là: Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản của toàn Đảng, toàn dân trong huyện, quan tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng, của địa phương. Từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế có kế hoạch theo hướng tập trung chuyển mạnh nông nghiệp sang

sản xuất hàng hoá, lấy lương thực, thực phẩm làm trọng tâm. Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Chú ý đúng mức đến ngành chế biến nông sản, thực phẩm và các ngành thủ công truyền thống, tích cực sản xuất ra nhiều mặt hàng xuất khẩu. Bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu chính đáng. Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, coi trọng công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, tạo sự chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực công tác, phấn đấu đưa phong trào của huyện tiến lên những bước mới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khoá XX) gồm 31 đồng chí, đồng chí Vũ Hành được bầu lại làm Bí thư Huyện uỷ.

Nhìn lại những năm đầu của thập niên 90 (thế kỷ XX), tình hình trong huyện có những vấn đề gây mất ổn định chính trị, đồng thời ngay trong năm đầu triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội, sản xuất nông nghiệp của huyện gặp nhiều khó khăn do tác động trực tiếp của thời tiết diễn biến phức tạp.

Vụ chiêm xuân năm 1991, Lý Nhân gieo cấy được 6.134,9 ha, vượt 1,2% kế hoạch, việc đầu tư thâm canh và phòng trừ sâu bệnh được tập trung cao nhưng do đầu vụ thời tiết ẩm áp, mưa mau già, khi cấy xong gặp nhiệt độ thấp, trời âm u kéo dài, thiếu nắng, cho nên lúa trở kém, ít bông, bông nhỏ. Khi trở, phần lớn diện tích lúa gặp gió mùa đông bắc, mưa, rét dẫn đến lúa bị lép nhiều,

khi lúa chín vào dịp biên độ nhiệt giữa ngày và đêm cao, làm hạt lúa dễ bị rụng từ 10 - 15 kg/sào. Mặt khác sâu bệnh phát sinh sớm, trên diện rộng như sâu cắn lá, bệnh khô vằn, rầy nâu, đặc biệt là bệnh đạo ôn cổ bông trên lúa CR203 phát sinh thành dịch, đây là một loại bệnh mới xuất hiện, gây lúng túng cho nhân dân trong phòng trừ, nên đã gây hại nặng trên toàn bộ diện tích cấy giống CR203 chiếm 82,5% diện tích. Các giống nhiễm rầy gây cháy cục bộ ở một số diện tích, làm cho 100% diện tích lúa chiêm xuân bị sâu bệnh nặng. Mặc dù cán bộ và nhân dân trong huyện đã cố gắng phòng trừ cứu chữa với nhiều tiền và công sức song mức độ thiệt hại vẫn rất lớn. Hợp tác xã nông nghiệp Hợp Lý mất 82,4%, hợp tác xã thấp nhất là Nhân Thắng cũng mất 53,7% so với mức khoán.

Năng suất lúa toàn huyện đạt 7,21 tạ/ha. Tổng sản lượng thóc đạt 4.426 tấn, bằng 20,7% so với vụ chiêm năm 1990, giảm 27,49 tạ/ha so với vụ chiêm xuân năm 1990.

Thực tế của vụ chiêm đặt ra cho huyện nhiệm vụ rất cấp bách. Ngày 20-5-1991, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 06-NQ/HU về đẩy mạnh sản xuất vụ mùa, vụ đông và ổn định đời sống nhân dân. Với tinh thần “lấy mùa bù chiêm” quyết tâm giành thắng lợi trong sản xuất vụ mùa. Một số diện tích được mạ, đất đày, thùng đào, thùng đấu được tận dụng để gieo cấy gần 7.000 ha, năng suất đạt 38,49 tạ/ha. Nhờ thắng lợi của vụ mùa và kết quả của vụ đông, đưa tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm lên 37.069 tấn. Kết quả trên phản ánh quyết tâm rất cao của

Đảng bộ và nhân dân trong huyện, là nhân tố trực tiếp làm ổn định tình hình kinh tế và chính trị của địa phương.

Với tinh thần quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, đồng thời từng bước nâng cao hiệu quả của cơ chế khoán 10, nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện và mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hoá, thực hiện Thông báo số 100-TB/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Quyết định số 115/QĐ-UB, ngày 15-02-1992 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 21-10-1992, Uỷ ban nhân dân huyện có Hướng dẫn số 723/HD-UB thống nhất về chủ trương, kế hoạch, nội dung, là cơ sở cho hợp tác xã xây dựng đề án, phù hợp với thực tế của địa phương.

Theo tinh thần Quyết định 115 thì đất canh tác được giao ổn định cho khẩu nông nghiệp đến năm 2013, được quyền thừa kế trong hộ, chuyển đổi, cho thuê và chuyển quyền sử dụng trong thời gian được giao theo quy định.

Quyết định 115 được Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện chỉ đạo triển khai kịp thời và cụ thể, 2 xã Nhân Mỹ, Nhân Chính được chọn làm điểm ngay trong vụ mùa năm 1992 với 2 loại hình sản xuất: chuyên lúa (Nhân Mỹ) và lúa - màu (Nhân Chính) để rút kinh nghiệm về phương pháp, nội dung và biện pháp thực hiện.

Huyện chỉ đạo trên cơ sở giữ nguyên quy mô thực tại là 40 hợp tác xã, với nguyên tắc tập trung dân chủ,



công khai, lấy đơn vị hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ được Nhà nước cấp giấy chứng nhận, giao quyền sử dụng ruộng đất dài hạn thông qua hợp tác xã, đó là những chủ trương đúng đắn, mang lại hiệu quả thiết thực nên được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đến hết năm 1993, việc giao ruộng theo Quyết định 115 ở Lý Nhân cơ bản hoàn thành.

Nội dung đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp được tiến hành trên 5 nội dung, đó là: Đổi mới tổ chức, quản lý sử dụng đất nông nghiệp; Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các dịch vụ phục vụ sản xuất; Đổi mới phương thức quản lý và sử dụng vốn, quỹ của hợp tác xã; Đổi mới bộ máy, nâng cao hiệu quả điều hành của hợp tác xã và Đổi mới một số phương thức hoạt động của Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng.

Đề án đổi mới quản lý, sử dụng ruộng đất của các hợp tác xã đều đảm bảo đúng nguyên tắc, ổn định quy mô hợp tác xã. Lấy hợp tác xã làm đơn vị để xây dựng phương án giao đất ổn định lâu dài cho hộ xã viên theo bình quân nhân khẩu nông nghiệp trong hợp tác xã. Việc thống kê, phân loại nhân khẩu để xác định đối tượng được giao, mượn ruộng được tiến hành chu đáo. Ngoài 8 đối tượng thuộc nhóm khẩu nông nghiệp được giao ruộng ổn định và 3 đối tượng được mượn ruộng trong Quyết định 115, thì đối tượng học sinh chuyên nghiệp được bổ sung và đưa vào diện được giao đất.

Các xã, các hợp tác xã đều tiến hành rà soát lại quỹ đất của địa phương, đơn vị, làm cơ sở cho việc lập phương án giao đất ổn định, lâu dài cho hộ xã viên. Quỹ đất để giao ổn định cho hộ xã viên trung bình là 89,5%, đất dự trữ 10,5% (hợp tác xã Mai Công 6,5%, các hợp tác xã Nhân Hoà, Nhân Đạo, Chung Lý còn nhiều hơn 14% do có nhiều đầm, ao lớn chưa giao được cho xã viên).

Nhiều xã đã gắn quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích xây dựng cơ bản các công trình phúc lợi công cộng, công trình giao thông, thuỷ lợi phục vụ sản xuất.

Đối với diện tích đất giao ổn định và lâu dài cho hộ xã viên, để đảm bảo tính công bằng và khuyến khích xã viên nhận gọn vùng, ít thửa, thửa to và nhận ruộng đất ổn định vào vườn, ao, đầm, các hợp tác xã đã xây dựng được hệ số quy đổi từ đất vườn, ao, đầm... ra một loại đất tiêu chuẩn chủ yếu là đất 2 vụ lúa, để xác định tiêu chuẩn ruộng đất trước khi giao ruộng.

Trên cơ sở xác định được hệ số quy đổi các loại đất khác nhau ra một tiêu chuẩn thống nhất đã tạo điều kiện cho việc giao ruộng đảm bảo gọn vùng, ít thửa, thửa to, đỡ manh mún hơn trước, đại bộ phận các hợp tác xã giao bình quân từ 5 - 8 thửa/hộ.

Gắn việc thực hiện Chỉ thị số 77/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm tra, xử lý các hộ vi phạm Luật đất đai, với việc giao ruộng đất, đã phát hiện trên 1.000 hộ sử dụng sai gần 30 ha đất nông nghiệp. Căn cứ

vào thực tế sai phạm, tiến hành thu hồi gần 10 ha của 300 hộ trừ vào đất giao, hợp pháp hoá hơn 10 ha đất cho các hộ có nhu cầu sử dụng đất ở, xử phạt 54 triệu đồng, truy thu gần 200 triệu đồng tiền bồi hoàn hoa lợi trên đất.

Các hợp tác xã đều xây dựng được quy chế quản lý, sử dụng ruộng đất của hợp tác xã, xác định rõ trách nhiệm, quyền lợi của hộ xã viên khi được giao đất... Đối với các loại đất hoang hoá, hồ, đầm, đất trồng cây lâu năm thì tùy theo tính chất, đặc điểm, quy mô đầu tư xây dựng cơ bản và chu kỳ sản xuất kinh doanh, các hợp tác xã tiến hành giao khoán theo hình thức đấu thầu hoặc cho thuê từ 15 đến 20 năm.

Cùng với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, thì Quyết định 115 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển đi lên, giải quyết đồng bộ 3 yán đề: nông nghiệp - nông dân và nông thôn. Tiếp tục giải phóng được năng lực sản xuất, khai thác được tiềm năng của ruộng đất, cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã như lao động, tiền vốn. Quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, quyền tự chủ của hộ xã viên được phát huy, tạo thêm động lực mới trong sản xuất, kinh doanh, đưa sản xuất nông nghiệp của huyện tiến lên, giành nhiều thành tựu mới.

Để tạo đà cho sự chuyển biến mới trong nông nghiệp, Huyện uỷ đã đề ra những biện pháp lớn để phát triển nông nghiệp.

Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn, trên cơ sở đảm bảo chỉ tiêu tổng sản lượng lương thực, phấn đấu để có tốc độ tăng trưởng về chỉ tiêu giá trị cao hơn tốc độ tăng về số lượng. Đồng thời, chuyển dịch cơ cấu theo hướng: Giảm tỷ trọng giá trị sản phẩm lương thực, tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm cây công nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ chế biến, phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống.

Đầu tư thâm canh tăng vụ, tăng năng suất để tăng tổng sản lượng và giá trị sản lượng chủ yếu, tiếp tục thực hiện cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống của từng vùng sản xuất. Đầu tư đồng bộ vùng thâm canh trọng điểm, chủ động tưới cho vụ chiêm, chủ động tiêu cho vụ mùa. Sớm ổn định vùng chuyên canh lúa, màu, cây công nghiệp gắn với chế biến.

Coi trọng cải tạo đất, hoàn thiện hệ thống thủy nông nội đồng, sử dụng cân đối các loại phân bón: đạm, hữu cơ, vi sinh để khai thác vùng nông giang, vùng chiêm trũng, nơi tiềm năng còn rất lớn, bình quân ruộng đất thấp, tiêu thụ thuận lợi. Nâng hệ số sử dụng đất chủ yếu bằng mở rộng diện tích vụ đông trên chân 2 vụ lúa, sử dụng triệt để chân mạ - màu, xuân - lúa mùa sớm hoặc mạ xuân - lúa xuân, mạ mùa - lúa mùa.

Sắp xếp lại cơ cấu cây trồng trên một số chân đất: đất chuyên màu thì mở rộng công thức luân canh ngô xuân - đậu tương hè thu - ngô thu đông. Đất lúa màu chuyển sang luân canh lạc - đậu tương hè thu - vụ đông (ngô,

khoai lang, khoai tây...). Đối với đất 2 vụ lúa thì mở rộng trồng các loại cây vụ đông. Đối với đất màu - cây công nghiệp, tập trung chuyển đổi cơ cấu giống, thay các giống cũ bằng các giống có năng suất cao.

Sản xuất nông nghiệp của huyện có sự chuyển biến tiến bộ và tương đối toàn diện. Tuy còn có năm, có vụ năng suất, sản lượng chưa được ổn định do thiên tai, thời tiết. Năm 1992, do bệnh đạo ôn diễn biến phức tạp đã gây hại cho hơn 4.500 ha; vụ mùa gặp lũ bão và lũ bão nghiêm trọng năm 1994 làm cho 56,7% diện tích bị mất trắng, sản lượng chỉ thu được 3.776 tấn thóc giảm hơn 80%. Tổng sản lượng lương thực cả năm 1994 chỉ đạt 45.052 tấn, trong đó màu quy thóc là 11.513 tấn. Song nhìn chung 5 năm sản xuất nông nghiệp vẫn đạt được thắng lợi quan trọng, năng suất, sản lượng đều đạt và vượt kế hoạch.

Tốc độ phát triển nông nghiệp bình quân 5 năm 1991 - 1995, sản lượng thóc bình quân 54.940 tấn, tăng 14,6% so với thời kỳ 1986 - 1990, năm 1993 đạt 69.148 tấn, đưa lương thực bình quân đầu người đạt 303 kg/năm, tăng 4,6% so với thời kỳ 1986 - 1990. Trong sản xuất lương thực, đã coi trọng cả lúa, màu, nhất là màu vụ đông có xu hướng tăng nhanh về diện tích, sản lượng, bình quân màu quy thóc đạt 10.925 tấn (năm cao nhất 12.875 tấn) tăng 25% so với nhiệm kỳ trước.

Cùng với thắng lợi về cây lương thực, một số cây trồng khác cũng có năng suất khá như đậu tương, dưa

chuột, lạc, dâu tằm. Phong trào trồng cây nhân dân, phát triển kinh tế gia đình, chủ yếu là cải tạo vườn tạp, trồng cây lưu niên có giá trị kinh tế cao, nuôi ba ba, lươn, ếch được duy trì và đưa lại kết quả rõ rệt như ở Chính Lý, Văn Lý, Hoà Lý, Hoà Hậu, Nhân Chính. Huyện đã tổ chức nhiều hội nghị trao đổi kinh nghiệm, tổ chức tham quan về kinh tế VAC ở các điển hình tiên tiến để phát động trong toàn huyện.

Do ảnh hưởng của giá cả và thị trường, cho nên diện tích cây công nghiệp mía, đay bị thu hẹp, mặt khác hiệu quả của sản xuất chưa cao, khâu chế biến và tiêu thụ còn nhiều khó khăn, nên đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển sản xuất.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển mạnh, tổng đàn lợn năm sau cao hơn năm trước, từ 44.593 con năm 1991 lên 55.000 con năm 1993 và 59.000 con năm 1995. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng bình quân 3.639 tấn/năm, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra 239 tấn, tăng 35,7% so với thời kỳ trước. Sau khoán 115, các diện tích ao, hồ, đầm được tận dụng để mở rộng thả cá, do vậy sản lượng cá thịt đạt bình quân 623 tấn/năm, tăng 137% so với thời kỳ 1986 - 1990.

Công tác thủy lợi đã điều hành có hệ thống các công trình thủy nông, đảm bảo nguồn nước tưới tiêu trong điều kiện bình thường. Các cơ sở vật chất và 25 trạm bơm cùng các công trình tưới tiêu được duy trì, bảo dưỡng, tu bổ, sửa chữa thường xuyên. Khối lượng

đào đắp đều hoàn thành kế hoạch. Riêng năm 1994, bão lũ nhiều, tổng mức đầu tư cho công tác này xấp xỉ 2 tỷ đồng.

Trong những năm đầu chuyển đổi cơ chế, các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp bộc lộ nhiều yếu kém, sản xuất, kinh doanh giảm sút, nhiều cơ sở giải thể hoặc chuyển sang loại hình sản xuất khác. Từ năm 1992, huyện đã tập trung sắp xếp lại sản xuất, đổi mới công tác quản lý, tạo môi trường thuận lợi cho các loại hình phát triển.

Các xí nghiệp quốc doanh trong quá trình thực hiện Nghị định 388/NĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về rà soát, đánh giá lại theo 5 điều kiện thành lập lại xí nghiệp đã sắp xếp từ 11 xí nghiệp năm 1991 còn 6 xí nghiệp năm 1993. Tuy còn khó khăn về thị trường, vốn, vật tư, giá cả, các đơn vị đã khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Xí nghiệp gạch ngói sau khi giảm biên chế gián tiếp, tăng lao động trực tiếp, rà soát lại các định mức khoán, nâng cao chất lượng công tác quản lý và hạch toán, từ năm 1992 đơn vị đã phấn đấu nộp ngân sách Nhà nước 5,9% kế hoạch, doanh thu tiêu thụ tăng 14,3%, sản phẩm chủ yếu tăng 5%, đời sống cán bộ, công nhân viên được cải thiện, thu nhập bình quân 120.000 đồng/người/tháng.

Các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp, các thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế gia đình, các tổ hợp tích cực tìm kiếm thị trường, đa dạng hoá sản phẩm, phát huy truyền thống nghề nghiệp: đan tre nứa Đạo Lý, Bắc Lý, bánh đa Hoà Lý, chế biến gỗ ở Nhân Khang, dệt ở Hoà Hậu đã giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động.



*Một góc làng nghề dệt truyền thống xã Hoà Hậu.*

Giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,7%, tăng 7,6% so với thời kỳ 1986 - 1990. Công nghiệp ngoài quốc doanh đạt bình quân 12.329 triệu đồng/năm. Công nghiệp quốc doanh đạt 292 triệu đồng, tăng 25,8% so với nhiệm kỳ trước.

Song, nghiêm túc đánh giá thì sản xuất nông nghiệp vẫn chưa ổn định vững chắc, còn phụ thuộc nhiều vào



thiên nhiên, thời tiết. Trong khi đó, hệ thống thuỷ lợi, thuỷ nông đã xuống cấp, quá tải, nhưng việc đầu tư, tu bổ và quản lý, sử dụng còn nhiều hạn chế. Cây mía, cây đay và đàn trâu giảm sút, mạng lưới dịch vụ phục vụ nông nghiệp ở cơ sở chưa được quan tâm củng cố. Vai trò điều hành của ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp ở một số nơi còn lúng túng, có biểu hiện khoán trắng ở một vài cơ sở. Công tác thu hồi sản phẩm, thu nợ chưa triệt để, còn khê đọng nhiều. Việc giao quyền sử dụng ruộng đất cho xã viên còn chậm. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn còn tự túc, tự phát, sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, hiệu quả thấp. Một số xí nghiệp của huyện và của tỉnh đóng trên địa bàn chưa tìm được hướng đi, sản xuất, kinh doanh còn nhiều thua lỗ. Tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển, làng nghề, ngành nghề chưa được chú ý mở rộng.

Tranh thủ vốn công trợ của Trung ương, của tỉnh, trích từ 10 - 12% ngân sách huyện, từ 20 - 25% ngân sách xã, đồng thời huy động công sức đóng góp của nhân dân để đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật. Do đó, nhiều công trình trọng điểm được hoàn thành phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống. Trong 5 năm từ 1991 - 1995, đã hoàn thành cả về số lượng và giá trị công trình theo chỉ tiêu của Đại hội lần thứ XX đề ra: Trạm bơm Hồng Lý, Dò Đạo, Xuân Khê; bói Hồng Lý, Nhân Long, Nhân Hoà; trụ sở làm việc xã Nhân Mỹ, Nhân Nghĩa, Nhân Đạo; trường THPT Lý

Nhân, THCS Bắc Lý, 6 trường tiểu học và trạm biến thế điện trung gian Nhân Mỹ. Tổng số vốn đầu tư cho xây dựng là 49,6 tỷ đồng, trong đó Trung ương và tỉnh công trợ là 6,5 tỷ đồng, huyện hỗ trợ 2,9 tỷ, ngân sách xã 8,8 tỷ, còn lại là do nhân dân đóng góp. Ngoài ra, huyện còn huy động vốn cho việc tu sửa, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ, xây dựng nhà tình nghĩa tặng các gia đình chính sách.

Phát triển giao thông - vận tải ở nông thôn là một trong những chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Từ năm 1991 đến năm 1994, đường tuyến huyện được tu bổ, sửa chữa kịp thời. Trong năm 1993, đã rải nhựa được 2,3 km đường ở thị trấn Vĩnh Trụ, rải đá được 21,7 km đường liên xã, các trục đường liên thôn được sửa chữa, nâng cấp phục vụ kịp thời việc vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân.

Mặc dù chúng ta đã rất cố gắng, nhưng do vốn đầu tư cho cải tạo, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng hạn hẹp, trong khi các loại phương tiện ngày càng nhiều, lực lượng vận chuyển trên đường ngày một lớn. Mặt khác do thời tiết xấu, mưa bão kéo dài nên các trục đường chính xuống cấp nhanh, có đoạn nghiêm trọng. Công tác kiểm tra, quản lý của cơ quan chức năng, của chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, chưa có biện pháp tích cực nên hành lang giao thông, mặt

đường bị thu hẹp do lều quán lấn chiếm, gây mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến giao lưu và phát triển dân sinh, kinh tế.

Để phục vụ tốt hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 7 (khoá VII). Hưởng ứng năm giao thông của tỉnh phát động, ngày 20-3-1995 Ban Thường vụ Huyện uỷ đã họp, thảo luận và ra Nghị quyết số 07-NQ/HU về lãnh đạo công tác cải tạo, nâng cấp giao thông đường bộ trong 3 năm 1995 - 1997. Nghị quyết nêu rõ: “Phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân tham gia làm đường giao thông, phấn đấu năm 1995 và 2 năm tiếp theo hoàn thành cơ bản việc nâng cấp đường giao thông liên hoàn từ huyện, xã đến thôn xóm. Toàn bộ hệ thống đường trục trong huyện có nền cứng vững chắc, được trải đá, lát gạch hoặc bê tông, trải nhựa một phần đường 63, đề nghị tỉnh sớm nâng cấp, trải nhựa 11 km đường 62 từ Vĩnh Trụ đi Như Trác”; “ Huy động sự đóng góp của nhân dân trong 3 năm, mỗi năm thu một khẩu 5 kg thóc. Nơi nào cần lập quỹ giao thông, Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, chi bộ, thôn xóm có nghị quyết, bàn bạc dân chủ trong Đảng và nhân dân, quy định mức và thời gian đóng góp hoặc huy động vốn đầu tư bên ngoài... quỹ này do địa phương điều hành, không trích nộp về huyện”<sup>(14)</sup>.

---

(14) Trích Nghị quyết số 07-NQ/HU, ngày 20-3-1995 của Ban Thường vụ Huyện uỷ. Tài liệu lưu VPHU.

Trong năm 1995, đường huyện (chủ yếu là đường 62, 63), đường tỉnh đã làm được 16,5 km, trong đó đường nhựa cấp 5 đồng bằng là 9 km, 7,5 km đường đá hỗn hợp và đắp đất mở rộng mặt đường được 31.870 m<sup>3</sup>, xây mới được 5 cống, với tổng kinh phí đầu tư là 3.861 triệu đồng. Đường thôn xã làm được 1,6 km đường nhựa, 103,8 km đường cấp phối, 34,9 km đường lát gạch nghiêng, xây được 47 cống các loại. Đắp đất mở rộng, tôn cao nền đường đạt 55.690 m<sup>3</sup>. Với tổng kinh phí 7.261 triệu đồng. Trong đó huyện hỗ trợ bằng ngày công nghĩa vụ trị giá 312,6 triệu đồng, ngân sách xã 2.667 triệu đồng, nhân dân đóng góp 4.282 triệu đồng. Đưa tổng kinh phí làm đường giao thông trong toàn huyện đạt giá trị 11.222,6 triệu đồng.

Thực hiện đề án nâng cấp đường giao thông 3 năm 1995 - 1997, theo Nghị quyết của tỉnh, của huyện, chỉ trong một thời gian ngắn, tất cả các xã đều xây dựng xong đề án phát triển giao thông đến năm 1997 và xây dựng kế hoạch cụ thể trong năm 1995.

Kết quả của phong trào làm đường giao thông đạt gấp 10 lần năm 1994 về giá trị, vượt chỉ tiêu đề án trong năm 1995 là 49%. Xã Nhân Khang đã huy động làm được 16,5 km đường lát gạch với kinh phí đầu tư là 1.425 triệu đồng, huy động nhân dân đóng góp 150.000 đồng/khẩu, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen

và 2 triệu đồng. Các xã Nhân Mỹ, Nhân Chính, Đức Lý, Nhân Đạo, Đạo Lý cũng đầu tư từ 300 - 500 triệu đồng cho giao thông.



*Nhân dân xã Đạo Lý đang làm đường giao thông.*

Quy hoạch phát triển giao thông của huyện gắn với quy hoạch phát triển nông thôn mới, góp phần làm thay đổi bộ mặt làng quê, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân. Số tiền đầu tư cho giao thông - vận tải chỉ tính trong 2 năm 1991 - 1992 là 630 triệu đồng, đó là một con số khá lớn đối với một huyện nông nghiệp đầu tư cho hạ tầng cơ sở. Huyện chủ trương huy động vốn từ nhiều nguồn và sử

dụng có hiệu quả nguồn vốn sẵn có để phát triển giao thông, nhất là việc tu sửa, mở rộng các đường trục, đê sông Hồng, đường liên xã, liên thôn. Khắc phục tình trạng tiêu cực trong việc chiếm đoạt lợi dụng vốn công trình. Tăng cường quản lý, bảo vệ đường giao thông, khắc phục tình trạng lấn đường, đào phá đường. Khuyến khích phát triển các loại hình vận tải, phương tiện vận tải, đảm bảo lưu thông hàng hoá và việc đi lại của nhân dân được thuận tiện.

Hệ thống bưu chính - viễn thông được triển khai rộng khắp, nhanh chóng. Năm 1993, Bưu điện huyện bắt đầu đầu tư mua sắm thiết bị mới, Lý Nhân là đơn vị đầu tiên trong lĩnh xây dựng hệ thống bưu chính - viễn thông. Đưa từ 2/3 số xã, cơ quan có điện thoại cố định năm 1994 với 63 máy, đến năm 1995, đã phủ sóng vi-ba đến 100% số xã, cơ quan, đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ kinh tế - chính trị. Việc phát hành báo chí, công văn, thư tín đã có nhiều tiến bộ. Điện thắp sáng đã về đến tận thôn xã.

Hoạt động tài chính có nhiều cố gắng để thu ngân sách Nhà nước, trong đó thu thuế Nhà nước đều hoàn thành chỉ tiêu nhanh gọn. Bình quân ngân sách huyện thu được 5.055 triệu đồng/năm. Ngân sách xã thu trên 6 tỷ đồng. Thu ngân sách huyện hàng năm tăng bình quân 10%, ngân sách xã tăng 12%. Chi ngân sách đã đáp ứng cơ bản các khoản chi, nhất là các khoản chi

thiết yếu. Song việc đầu tư để tạo nguồn thu chưa được chú ý đầy đủ. Một số khoản thu đạt kết quả chưa cao như thuế công, thương nghiệp, thuế sát sinh, còn mất cân đối giữa thu và chi, chưa đảm bảo được các khoản chi phát sinh đột xuất.

Các ngành ngân hàng, kho bạc, tín dụng thực hiện nghiêm túc công tác thu chi tiền mặt, đáp ứng yêu cầu cho vay và chi trả. Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm hàng năm đạt trên 800 triệu đồng. Nhìn chung, đồng vốn cho vay được quay vòng và mang lại hiệu quả rõ rệt.

Hệ thống thương nghiệp dần thích ứng với cơ chế mới, hàng hóa phong phú, đa dạng, không còn tình trạng khan hiếm hàng, lưu thông giữa các vùng thuận tiện, tạo tâm lý thoải mái cho người tiêu dùng. Cơ chế mua theo giá thỏa thuận, bán theo giá kinh doanh đối với hầu hết các loại hàng hoá lưu thông trên thị trường, định giá sát thị trường, do đó tốc độ tăng giá chậm lại, sức mua của đồng tiền đã được nâng lên. Hoạt động xuất khẩu đã có cố gắng khai thác thị trường tiêu thụ với nguồn hàng phong phú. Bình quân 5 năm đạt 2,45 tỷ đồng, vượt 22,5% chỉ tiêu.

Phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục - đào tạo, y tế nhằm phát huy nhân tố con người được xác định là một nhiệm vụ quan trọng, luôn được huyện quan tâm chỉ đạo, đầu tư cơ sở vật chất và từng bước được xã hội hoá.

Các ngành giáo dục, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, văn hoá... đều xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII).

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được các cấp uỷ Đảng, chính quyền chăm lo ngày càng tốt hơn, đã chặn được đà giảm sút của giáo dục, từng bước củng cố và đi vào nền nếp. Công tác xã hội hoá ngày càng rộng, đáp ứng một phần nhu cầu nâng cao dân trí. Hệ thống trường, lớp phát triển đa dạng, quy mô mở rộng. Năm học 1993 - 1994, trường Năng khiếu của huyện được thành lập với 10 lớp bằng 168 học sinh cho bậc THCS. Cơ sở vật chất được tăng cường đầu tư, ngày càng có thêm nhiều trường cao tầng và kiên cố. Trang thiết bị phục vụ cho dạy và học được cải thiện một bước. Đến năm 1995, công tác giáo dục của huyện đã đi vào ổn định, đã hoàn thành xoá nạn mù chữ, thực hiện phổ cập tiểu học, 35% số xã phổ cập THCS. Tháng 9-1993, tổ chức thành công Hội nghị khoa học tổng kết 10 năm giáo dục của trường THCS Bắc Lý, giúp Bộ Giáo dục - Đào tạo định hình mô hình phổ thông trung học cơ sở ở nông thôn. Quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục được giữ vững, sĩ số học sinh bậc học mầm non và tiểu học tương đối ổn định với 8.696 cháu mầm non và 23.308 học sinh tiểu học. Điều đáng ghi nhận là tỷ lệ học sinh vào học THCS tăng lên so với nhiệm kỳ trước, từ 8.983 học sinh năm học 1991 - 1992 lên 13.485 học sinh vào năm học 1995 - 1996.



Các chương trình chăm sóc sức khoẻ ban đầu được triển khai có nhiều tiến bộ, tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ, y, bác sỹ có nhiều chuyển biến tích cực. Trình độ chuyên môn của đội ngũ thầy thuốc được nâng lên. Chương trình tiêm vắc-xin, uống vitamin A, chống suy dinh dưỡng trẻ em từng bước được xã hội hoá, trở thành nhu cầu của nhân dân. Cơ sở vật chất được tăng cường đầu tư xây dựng như: đơn nguyên I, II của Bệnh viện huyện, Phòng khám đa khoa khu vực Cầu Không, Chính Lý, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình của huyện, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được chỉ đạo, triển khai tích cực. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên năm 1995 là 1,22%.

Sự nghiệp văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh, truyền thanh phát triển mạnh, phục vụ đắc lực cho thực hiện nhiệm vụ chính trị và nhu cầu của cuộc sống, kịp thời động viên biểu dương gương người tốt, việc tốt, tham gia đấu tranh chống tiêu cực, xây dựng nếp sống văn minh, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân. Trong 5 năm, Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao luôn giữ vững danh hiệu lá cờ đầu của tỉnh, có 19 làng, xã được công nhận làng văn hoá. Đài Truyền thanh huyện đã phủ sóng đến 21/23 xã, thị trấn trong huyện.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được ổn định và từng bước được nâng cao, có 69,9% số hộ có nhà mái ngói, mái bằng, 15% số hộ giàu, song vẫn còn

15,7% số hộ nghèo. 100% số xã, 99,7% số thôn, xóm và 89% số hộ dùng điện thấp sáng.

Thực hiện Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước, trong 3 đợt của năm 1995, toàn huyện có 97 bà mẹ được truy tặng, phong tặng danh hiệu "*Bà mẹ Việt Nam Anh hùng*", đây là niềm tự hào to lớn của Đảng bộ và nhân dân trong huyện. Các gia đình chính sách, nhất là các gia đình liệt sỹ, thương binh, gia đình có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được quan tâm chăm sóc, nhận kết nghĩa đỡ đầu, cho nên đều có cuộc sống vật chất ổn định, tinh thần vui vẻ.

Cùng với những thành tựu đạt được, công tác văn hoá - xã hội cũng còn nhiều điều đáng băn khoăn. Đó là chất lượng giáo dục, chất lượng học sinh giỏi còn thấp, ngành học mầm non chưa được chú ý đúng mức, cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và học tập vừa thiếu, vừa cũ nát. Mặc dù đã cố gắng đầu tư, sửa chữa, bổ sung nhưng vẫn chưa đáp ứng được so với yêu cầu.

Việc quản lý y, được tư nhân chưa chặt chẽ. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế chuyên sâu chưa được quan tâm đúng mức. Chất lượng khám, chữa bệnh còn nhiều hạn chế. Nhận thức và các biện pháp thực hiện công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình còn bất cập, ảnh hưởng đến kết quả, việc hạ tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên chưa ổn định.

Việc “Xây dựng làng văn hoá” tiến hành còn chậm, một số hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan có chiều hướng phục hồi. Phong trào xoá đói giảm nghèo đã được triển khai tích cực, nhưng vẫn chưa có những biện pháp hữu hiệu và đồng bộ để các hộ nghèo vươn lên tự lo liệu cho cuộc sống của mình. Do đó kết quả còn hạn chế, số hộ nghèo giảm chậm.

Trước bối cảnh khó khăn chung của đất nước, tình hình Phú Phúc diễn biến phức tạp, kéo dài làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân. Huyện uỷ đã ra nhiều nghị quyết chỉ đạo về việc đấu tranh chống diễn biến hoà bình, ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ổn định tình hình một số điểm nóng, song việc triển khai thực hiện chậm, việc xử lý thiếu kiên quyết nên kết quả chưa được như mong muốn.

Cuộc vận động toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thông qua sự phối hợp giữa ngành Công an, Quân đội, Hội Cựu chiến binh và các đoàn thể quần chúng đã tạo ra mối quan hệ gắn bó giữa các lực lượng, làm cho phong trào quần chúng bảo vệ an ninh có chuyển biến và thu được hiệu quả thiết thực.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 135/CT-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, gắn với mở các đợt phát động quần chúng tấn công trấn áp tội phạm. Lực lượng Công an huyện phối hợp với Công an huyện Bình Lục, Duy Tiên và sự giúp đỡ của quần chúng đã kiên quyết tấn công và